TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐST – HNGĐ ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 49/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G.T, tỉnh Nam Định (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường P2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N xây dựng gia đình với ông Đinh Văn M vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G.T, tỉnh Nam Định vào ngày 25/12/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Khoảng từ năm 2010 – 2011 ông M chuyển vào sinh sống và làm việc tại phường P2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà N và ông M có 01 con chung là cháu Đinh Yến V, sinh ngày 03/8/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V được bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đinh Văn M:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Đinh Văn M theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên M không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N đối với ông Đinh Văn M cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N được ly hôn với ông Đinh Văn M.

Về con chung: Giao cháu Đinh Yến V, sinh ngày 03/8/2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ông Đinh Văn M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Đinh Thị N và ông Đinh Văn M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G.T, tỉnh Nam Định nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà N, ông M: Bà N xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Khoảng năm 2010 – 2011 ông M chuyển vào miền Nam sinh sống và ít khi về thăm vợ con nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông M đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông M vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N đối với ông M.

Về con chung: Bà N và ông M có 01 con chung là cháu Đinh Yến V, sinh ngày 03/8/2010. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng nuôi con của bà N thấy: Bà N xác định bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V từ trước đến nay, cháu V được bà N chăm sóc tốt, cho học hành đầy đủ. Cháu V có nguyện vọng được sống với bà N. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của cháu V, để đảm bảo cháu V có được sự chăm sóc tốt, ổn định về nơi ở, việc học tập và sinh hoạt hàng ngày để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần thì cần thiết giao cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp điều kiện thực tế và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N đối với ông Đinh Văn M về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N được ly hôn với ông Đinh Văn M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đinh Văn M giao cháu Đinh Yến V, sinh ngày 03/8/2010 cho bà Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đinh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007148 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Đinh Thị N đã nộp đủ án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã G, huyện G.T, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thu Hiền